TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 3 - CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 415/2026/DS-ST
Ngày 11-6-2026
V/v "tranh chấp hợp đồng vay tiền"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Mẫn.

*Các Hội thẩm nhân dân:*1/ Ông Nguyễn Văn Mến.

2/ Bà Lê Thị Tuyết Mai.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Võ Thị Phi Liễu - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3 - Cần Thơ.

Ngày 11 tháng 6 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 - Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 291/2026/TLST-DS ngày 05 tháng 3 năm 2026 về "tranh chấp hợp đồng vay tiền" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 655/2026/QĐXXST-DS ngày 23 tháng 4 năm 2026, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thanh X, sinh năm 1987. Căn cước công dân: 092187009300.

Địa chỉ: Số E đường X, phường N, Thành phố Cần Thơ. (Vắng mặt, có đơn xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Ông Lê Quốc H, sinh năm 1980. Căn cước công dân: 089080000328.

Địa chỉ: Số B đường N, khu V, phường C, thành phố Cần Thơ. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 23/01/2026 và bản tự khai ngày 01/4/2026, quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh X trình bày: Ông Lê Quốc H là người chuyên kinh doanh bất động sản, có mối quan hệ làm ăn, mua bán với bà nên quen biết nhau. Ông H nói thửa đất ông chuẩn bị mua diện tích lớn nhưng không đủ tiền, cần vay thêm tiền của bà để mua, sau khi mua sẽ tách thửa bán trả tiền lại cho bà. Bà đồng ý cho vay và đã 05 lần chuyển tiền vay qua số tài khoản của ông H 393939888888 mở tại Ngân hàng TMCP Q, cụ thể: 464.000.000 đồng ngày 18/01/2023, 55.000.000 đồng ngày 07/3/2023, 178.500.000 đồng ngày 21/3/2023, 100.000.000 đồng ngày 31/3/2023 và 18.000.000 đồng ngày 13/6/2023. Thời hạn vay thỏa thuận miệng là 04 tháng, lãi suất 01%/tháng. Theo thông tin cung cấp và hứa hẹn bán đất, với lại quen biết nhau trong thời gian dài, tin tưởng, đồng ý cho vay, khất nợ nhiều lần.

Đến lần vay cuối cùng vào ngày 25/9/2023 ông H nói cần vay thêm 124.500.000 đồng để đóng thuế đất, lấy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ra sẽ bán được, sẽ trả tiền đủ một lần tiền nên bà đã đồng ý cho vay thêm số tiền này nhưng phải có lãi, tiền lãi được tính trên tổng số tiền đã vay của những lần trước cộng với số tiền 124.500.000 đồng ở lần vay này, thời gian tính lãi kể từ ngày 25/9/2023. Mặc dù trong 02 hợp đồng không ghi cụ thể lãi suất nhưng ông bà thỏa thuận miệng với nhau lãi suất cho vay 1%/tháng.

Để làm căn cứ sau này và cũng tạo điều kiện về mặt thời gian cho ông H trả nợ nên ông bà thống nhất đến VPCC Huỳnh Ngọc H1 lập 02 hợp đồng vay tiền, cụ thể: Hợp đồng vay tiền thứ nhất, cho vay 340.000.000 đồng, số công chứng 5945, quyển số 01/2023/TP/CC-SCC/HĐGD (gọi tắt: hợp đồng vay tiền số 5945) và Hợp đồng vay tiền thứ hai, cho vay 600.000.000 đồng, số công chứng 5946, quyển số 01/2023/TP/CC-SCC/HĐGD (gọi tắt: hợp đồng vay tiền số 5946). Cả 02 hợp đồng vay tiền này đều có thời hạn vay 04 tháng kể từ ngày công chứng, lãi suất tự thỏa thuận không trái quy định pháp luật. Tại VPCC sau khi ký hợp đồng, bà đã đưa cho ông H số tiền mặt ông vay thêm 124.500.000 đồng. Tổng cộng số tiền bà đã cho ông H vay là 940.000.000 đồng.

Hết thời hạn vay không thấy ông H trả tiền mà hứa hẹn trả gốc và lãi chung một lần, do chỗ quen biết với lại thấy ông là người có nhiều đất đai, đang làm ăn khấm khá nên tin tưởng cho hứa hẹn. Dần dần về sau, bà X gọi điện thoại nhưng có lần nghe máy, lần không và tìm đến nhà thì lảng tránh, đóng cửa. Nay, bà khởi kiện yêu cầu ông H phải trả cho bà tiền vay gốc 940.000.000 đồng và tiền lãi 1%/tháng tính từ ngày 25/9/2023 đến tháng 01/2026 (28 tháng) là 263.200.000 đồng và đến ngày xét xử.

Bà X cung cấp chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện: Tập sao kê Ngân hàng TMCP Q1 ngày 19/12/2025 (Thời gian sao kê từ ngày 17/01/2023 đến ngày 31/12/2023) và của Ngân hàng TMCP N ngày 06/4/2026 (Thời gian sao kê vào ngày 07/3/2023).

Bị đơn ông Lê Quốc H vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, không có bảng tự khai trình bày ý kiến, yêu cầu của mình đối với việc khởi kiện của bà X mặc dù Tòa án đã niêm yết hợp lệ thủ tục tố tụng đối với ông.

Quá trình tố tụng, ngày 05/3/2026 bà X có đơn cung cấp địa chỉ cư trú của ông H tại số B đường N, khu V, phường C, thành phố Cần Thơ. Theo thông tin bà cung cấp, biết được ông H có nhiều vụ kiện tại Tòa án nên đã sao y Phiếu yêu cầu xác minh số 553/PYCXM.TA ngày 13/6/2025 (do Công an quận C, thành phố Cần Thơ (cũ) trả lời xác minh của Tòa án) thể hiện địa chỉ cư trú hiện tại của ông H đúng như địa chỉ bà X cung cấp.

Ngày 08/6/2026 bà X có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 124.500.000 đồng vào ngày 25/9/2023 vì không có lập biên nhận vay, đồng thời xin được xét xử vắng mặt.

Tại phiên tòa, bà X vắng mặt (có đơn xét xử vắng mặt), ông H vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:* Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả tiền vay còn nợ theo hợp đồng vay tài sản nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật "tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn cư trú tại địa phương thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 3 – Cần Thơ theo quy định tại Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Trường hợp xét xử vắng mặt đương sự tại phiên tòa:* Bị đơn ông Lê Quốc H có địa chỉ cư trú ghi nhận tại hợp đồng vay tiền là số 25D12, Đường số D, khu dân cư L, phường P, quận C (cũ), thành phố Cần Thơ nhưng đã thay đổi, cư trú và sinh sống ở nơi khác mà không thông báo cho bà X hay biết. Qua tra cứu thông tin cư trú, kết quả trả lời của Công an phường C (cũ) thì địa chỉ cư trú hiện tại của ông H là số B đường N, khu vực 2, phường C, thành phố Cần Thơ. Căn cứ địa chỉ này, Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng ông H vẫn vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông H theo quy định tại các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] *Xem xét việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của bà X:* Đối với số tiền 124.500.000 đồng bà X cho vay, đưa tiền mặt cho ông H vào ngày 25/9/2023 nhưng không có biên nhận, chứng cứ chứng minh nên vào ngày 08/6/2026 bà có đơn rút lại số tiền này. Xét thấy đây là sự tự nguyện, không bị ép buộc nên Hội đồng xét xử ghi nhận, đình chỉ xét xử đối với số tiền 124.500.000 đồng đã rút này theo quy định tại Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bà có quyền khởi kiện trong vụ án khác tại Tòa án có thẩm quyền để được xem xét, giải quyết đối với số tiền 124.500.000 đồng này khi có đủ căn cứ, chứng cứ chứng minh.

[4] *Về chứng cứ chứng minh:* Tòa án thực hiện thủ tục niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự đối với ông H tại địa chỉ B đường N, khu V, phường C, thành phố Cần Thơ nhưng ông vẫn vắng mặt không có lý do trong suốt quá trình giải quyết vụ án, không có văn bản trình bày ý kiến, yêu cầu của mình đối với việc khởi kiện của bà X. Căn cứ quy định tại các Điều 91, 95 Bộ luật Tố tụng dân sự thì các chứng cứ mà bà X cung cấp như hợp đồng vay tiền số 5945 và hợp đồng vay tiền số 5946, tập sao kê của Ngân hàng TMCP Q1 và Ngân hàng TMCP N được xác định là chứng cứ chứng minh giữa bà X với ông H có giao dịch vay tiền theo Điều 463 Bộ luật Dân sự.

[5] *Về nội dung, quyền và nghĩa vụ của các bên trong giao dịch vay tiền:* Điều 1 của 02 hợp đồng vay trên thể hiện đây là hợp đồng vay có thời hạn và không có lãi theo khoản 1 Điều 470 Bộ luật Dân sự. Hai sao kê ngân hàng đều thể hiện được các lần bà X chuyển khoản tiền vay qua tài khoản ngân hàng của ông H, nội dung chuyển khoản đều được ghi cụ thể: "Cho muon" đúng với các lần cũng như số tiền đã chuyển cho vay 815.500.000 đồng. Đây là chứng cứ thể hiện ông H đã nhận tiền vay của bà X với số tiền 815.500.000 đồng. Cũng theo 02 sao kê ngân hàng này chỉ thấy bà X chuyển tiền cho ông H vay, không thấy ông H chuyển tiền ngược lại trả nợ vay cho bà X, ngoài 01 lần vào ngày 07/3/2023 (cùng ngày với ngày bà X cho vay 55.000.000 đồng) nhưng nội dung chuyển tiền ghi: "chuyen khoan tra vat tu". Việc ghi chú nội dung này không liên quan đến khoản tiền vay. Do đó, có đủ căn cứ chứng minh ông H đã vi phạm nghĩa vụ

trả nợ vay được quy định tại Điều 466 Bộ luật Dân sự nên yêu cầu khởi kiện của bà X về việc buộc ông H trả tiền nợ 815.500.000 đồng là có căn cứ chấp nhận.

[6] *Về lãi:* Ông H nhiều lần vay tiền, nhận tiền vay nhưng bà X chỉ yêu cầu trả lãi vay đối với tổng số tiền đã cộng gộp vào ngày 25/9/2023 với mức lãi suất 1%/tháng không vượt mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự, đồng thời chỉ tính từ thời điểm sau khi các khoản vay đã được cộng gộp là có lợi cho ông nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Tiền lãi được tính như sau 815.500.000 đồng x 1%/tháng x 32 tháng 17 ngày (từ 25/9/2023 đến 11/6/2026) = 265.979.833 đồng (làm tròn). Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Lê Quốc H chưa thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ khoản tiền nêu trên thì còn phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền chậm thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự, tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành án cho đến khi thi hành án xong.

[4] *Về án phí dân sự sơ thẩm:* Yêu cầu khởi kiện của bà X có căn cứ chấp nhận nên ông H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên tổng số tiền phải trả 1.081.479.833 đồng (gồm: tiền gốc 815.500.000 đồng và tiền lãi 265.979.833 đồng) là 44.444.000 đồng (làm tròn). H2 lại tiền tạm ứng án phí cho bà X 24.048.000 đồng theo Biên lai số 0003397 ngày 22/02/2026 của Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 3 Điều 26, các Điều 29, 35, 91, 95, 227, 228, 244 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Các Điều 357, 463, 466, khoản 1 Điều 468, khoản 1 Điều 470 Bộ luật Dân sự;

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thanh X.

Buộc ông Lê Quốc H phải trả cho bà Nguyễn Thị Thanh X số tiền 1.081.479.833 đồng (gồm: tiền gốc 815.500.000 đồng và tiền lãi 265.979.833 đồng). Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Lê Quốc H chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán số tiền nêu trên thì còn phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

Ông Lê Quốc H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 44.444.000 đồng (làm tròn). H2 lại tiền tạm ứng án phí cho bà X 24.048.000 đồng theo Biên lai số 0003397 ngày 22/02/2026 của Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đối với đương sự vắng mặt thì thời hạn được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại địa phương nơi cư trú.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân

sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND thành phố Cần Thơ;
- VKSND thành phố Cần Thơ;
- VKSND khu vực 3 – Cần Thơ;
- THADS thành phố Cần Thơ;
- Phòng THADS Khu vực 3 – Cần Thơ;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Minh Mẫn